

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/12/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+TD5+RP2	7:25	6+0+16	0+0+0		1+0+21	0+0+0	Chuyen 3 TD5-RP2
2		RC6+JS2	7:25	7+15	0+0		6+16	0+0	
3		RCDM+RC4+RP3	7:25	9+7+6	0+0+0		5+9+8	0+0+0	
4		T.UNG	7:25	19	0		16	0	
5		JS2+CLO	9:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
6		TTC2+RP1	9:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
7		RP3+RC5	9:25	15+7	0+0		10+12	0+0	
8		RC3+RP3	11:25	11+11	0+0		6+14	0+0	
9		RP2+RC6	11:25	20+2	0+0		17+5	0+0	
10		P6+P10	17:25	0+0	0+0		0+0	0+0	BAY HUẤN LUYỆN

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/RC6- 4ng; RP2-4ng đi về trong ngày

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: RP1 - TD5 - RP2	CREW: Nam - ĐNam - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAMEDOV	RP1	25	1	5		80	KH-THAC	Russian
2	KOROQLUEV RAMIL	RP1	27	1	3		70	KH-THAC	Russian
3	NIKITIN DMITRIY	RP1	26	1	3	40	72	KH-THAC	Russian
4	NGUYỄN VIỆT THANH	RP1					74	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN NGOC VAN	RP1	30	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC PHONG	RP1	24	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
7	KOZYK	RP2	88	1	5		86	D-HANH	Russian
8	IAKHIN	RP2	59	1	2		80	D-HANH	Russian
9	TRẦN BA PHUONG	RP2					67	D-HANH	Vietnamese
10	GIANG TRUNG HIẾU	RP2	53	1	4		100	D-HANH	Vietnamese
11	PHẠM VĂN BAN	RP2	89	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN KHÁC SANG	RP2	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TANG VĂN ĐỨC	RP2	56	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VŨ QUYÊN	RP2	14	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN VĂN LY	RP2	60	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC VINH	RP2	58	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	800,12	2	12	80	74	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẠO VĂN TUẤN	RP2	57	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH DUY	RP2	54-55	2	14		85	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH VĂN QUÂN	RP2	90	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN THANH	RP2	15	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	LE VAN LONG	RP2	13	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	6	5	21	435	40	1		CHUYEN 03 PAX TU TD5 SANG RP2
2	TD5	0	0	0	0	0	0	3	
3	RP2	16	17	81	1.164	80	21		
TOTAL		22	22	102	1.599	120	22		
WEIGHT KG				102	1.599	120			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	TO: RC6 - JS2	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ANH SON	RC6				70	55	D-HANH	Vietnamese
2	PHUNG QUANG THANG	RC6					75	D-HANH	Vietnamese
3	TRAN MINH THI	RC6	01	1	6		118	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VAN TRUONG	RC6	62	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC LINH	RC6	61	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
6	VU VAN SY	RC6	64	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	DO HIEP PHU	RC6	63	1	2		52	ANTOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DUC HAI	JS2	41,14	2	12	30	65	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI VAN NINH	JS2	86-87	2	11		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN BINH MINH	JS2	51	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
11	MICHAEL PATRICK	JS2	65	1	20		89	KHOAN	Indian
12	TRAN DUC CUONG	JS2	55	1	9		64	KHOAN	Vietnamese
13	DO DUC MANH	JS2	53	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
14	DUONG VAN MINH	JS2	60	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN ANH TUAN	JS2	61,63	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
16	TRUONG MINH TIEN	JS2	50	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
17	BUI NGOC TU	JS2	48	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN VAN KHOA	JS2	69	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
19	DANG THE THANH	JS2	39	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN VAN SANG	JS2	42	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
21	HUYNH KIM LONG	JS2	58	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
22	PHAM VAN DUNG	JS2	67	1	5		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	7	5	23	506	70	6		
2	JS2	15	18	123	1.026	30	16		
TOTAL		22	23	146	1.532	100	22		
WEIGHT KG				146	1.532	100			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: RCDM - RC4 - RP3	CREW: TUYỀN - Khang - NNam	ETA: 09:15
VANG-1			

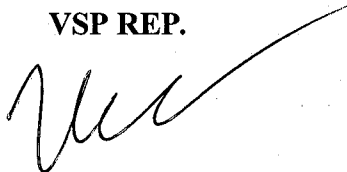
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	58-59	2	15	55	72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO ĐẮC TOÀN	RCDM	47	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TI	RCDM	52	1	11		64	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG MINH DŨNG	RCDM	45	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐO ĐỨC ANH	RCDM	50	1	15		80	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC QUÂN	RCDM	48-49	2	19		75	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN MINH	RCDM	51,53	2	20		79	T-TIN	Vietnamese
8	MAI XUAN QUY	RCDM	46	1	7	11	62	T-TIN	Vietnamese
9	HỒ TRỌNG BĂNG	RCDM	56-57	2	15		75	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG MINH	RC4	20	1	5	55	60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC TÂN	RC4	26	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÌNH VĂN CÔNG	RC4	23	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THE VU	RC4	25	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH TUẤN	RC4	24	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN TRƯỞNG	RC4	21	1	16		74	KH-THAC	Vietnamese
16	MAI VĂN TƯƠNG	RC4	22	1	2		67	PSV	Vietnamese
17	BUI ANH SƠN	RP3	93	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH TRUNG	RP3	94	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM QUANG TRUNG	RP3					65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG VŨ	RP3					78	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN ANH	RP3	92	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM XUÂN HOÀNG	RP3	95-96	2	12		89	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

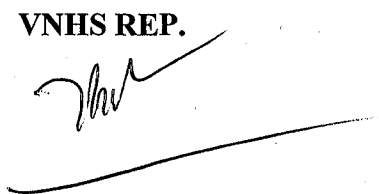
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	9	13	113	642	66	5		
2	RC4	7	7	54	495	55	9		
3	RP3	6	5	30	454	0	8		
TOTAL		22	25	197	1.591	121	22		
WEIGHT KG				197	1.591	121			

GRAND TOAL: 1.909 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:27
FLIGHT: 04	TO: T.UNG	CREW: KIÊN - HLONG	ETA: 10:40
CAM-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ HIỆP	T.UNG	88	1	10	55	72	PV GAS	Vietnamese
2	NGUYỄN THẾ HÙNG	T.UNG	76	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN TIEU LONG	T.UNG	87	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
4	LUONG ANH TUÂN	T.UNG	85	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM GIÁP TRỊ	T.UNG	72	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
6	DƯƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	66	1	6	18	62	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ HÙNG TUÂN	T.UNG	75	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN MINH TÂM	T.UNG	86	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	73	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN CUÔNG	T.UNG				24	70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ĐÀN	T.UNG					65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	65	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY DŨ	T.UNG	69-70	2	7		90	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ THANH TÙNG	T.UNG	74	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH TUÂN	T.UNG	67-68	2	12		52	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ANH TUÂN	T.UNG	77	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	79	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TÀNG MẠNH HÀ	T.UNG	71	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ ANH MINH	T.UNG	83-84	2	17		72	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	20	109	1.333	97	16		
TOTAL		19	20	109	1.333	97	16		
WEIGHT KG				109	1.333	97			

GRAND TOAL: 1.539 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	TO: JS2 - CLO	CREW: Nam - ĐNam - Vũ	ETA: 11:10
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN XUAN THI	JS2	77	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM VAN TAN	JS2	23	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
3	HUYNH VAN KIET	JS2	19	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HONG	JS2	82-83	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN XUAN LONG	JS2	21	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
6	LE HUU DUNG	JS2	72	1	5	10	66	KHOAN	Vietnamese
7	DUONG VIET DUNG	JS2	16	1	6	20	50	KHOAN	Vietnamese
8	LE THANH TU	JS2	17	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG SON	JS2	20	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN DINH NHAT	JS2	78-79	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN BINH	JS2	80-81	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
12	NIYATI ISSARAPREEDA	JS2	67-68	2	17		78	KHOAN	Thailand
13	ARTID CHUPJUNTUEK	JS2	64,66	2	17		80	KHOAN	Thailand
14	LE QUANG NGHIEP	JS2	76	1	12		68	KHOAN	Vietnamese
15	KULKET TASANAI	JS2	70-71	2	17		73	KHOAN	Thailand
16	VU THANH QUANG	JS2	22	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN CONG HOANG	JS2	13	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO TUAN ANH	JS2	75	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN CONG TUYEN	JS2	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN HUYEN	JS2	69	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐAU HUY HOANG	JS2	18	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐINH VAN GIANG	JS2	73	1	7		74	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	22	28	193	1.490	30	18		
2	CLO	0	0	0	0	25	4		
TOTAL		22	28	193	1.490	55	22		
WEIGHT KG				193	1.490	55			

GRAND TOAL: 1.738 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: TTC2 - RP1	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GLYBOVSKI ANATOLI	TTC2	43	1	8	30	78	KH-THAC	Russian
2	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	TTC2	30	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN LÊ	TTC2	19	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THÈ HOI	TTC2	42	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	81-82	2	13		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	38	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	40	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
8	TÀO QUANG NGÂN	RP1	34	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC THIÊN	RP1	39	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN PHI KHAI HOÀN	RP1	74	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NAM SINH	RP1	32	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	80	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỞNG GIANG	RP1	41	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN KHÁC HỒNG	RP1	35	1	13		71	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG ĐÌNH BA	RP1	33	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN BA QUÝ	RP1	79	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG LỘC	RP1	36	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THUY	RP1	31	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN THÀNH CÔNG	RP1					56	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ĐÌNH THẮNG	RP1	37	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG THE ANH	RP1	42	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	4	4	31	281	30	0		
2	RP1	17	17	112	1.223	0	22		
TOTAL		21	21	143	1.504	30	22		
WEIGHT KG				143	1.504	30			

GRAND TOAL: 1.677 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	TO: RP3 - RC5	CREW: TUYỀN - Khang - NNam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH DƯƠNG	RP3	53	1	3	8	66	KH-THAC	Vietnamese
2	CAO QUANG HUNG	RP3	74-75	2	11	48	108	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP3	50	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG VĂN THƯƠNG	RP3	97	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	56	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	99	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN HÒA	RP3	98	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TIỀN	RP3	72	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	49	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN HIỂN	RP3	57-58	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	51	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC HUY	RP3	700	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
13	LUƠNG VĂN LƯƠNG	RP3	73	1	7		89	KH-THAC	Vietnamese
14	LẠI ĐỨC BAY	RP3	52	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	59-60	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
16	GUSEINOV	RC5	82	1	5	65	87	KH-THAC	Russian
17	BUI QUỐC VIỆT	RC5	81	1	7	15	74	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN NAM THẮNG	RC5	83-84	2	7		100	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN CỤC	RC5	64	1	13		78	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ QUỐC HUY	RC5	85	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN TRUNG	RC5	21	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN HUÂN	RC5	65	1	7		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	15	18	89	1.059	56	10		
2	RC5	7	8	49	557	80	12		
TOTAL		22	26	138	1.616	136	22		
WEIGHT KG				138	1.616	136			

GRAND TOAL: 1.890 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 8	TO: RC3 - RP3	CREW: Nam - XTruong - Vu	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	RC3	65	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	64	1	4	20	65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG HOÀNG ANH	RC3	69	1	7	100	84	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ CÔNG AN	RC3	66	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ KIM NGHIỆP	RC3	67	1	12		74	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	RC3	68	1	8		75	CODIEN	Vietnamese
7	LÊ VĂN QUYÊN	RC3	63	1	5		56	GETRACO	Vietnamese
8	NGUYỄN BA THUY	RC3	18	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
9	NG HOANG DAN	RC3	73	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN KHIÊM HIẾU	RP3	84	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TỬ HAI	RP3	82	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG XUÂN HUNG	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ QUANG HUNG	RP3	81	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO ĐẶC DÂN	RP3	87-88	2	16		70	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN BA THUẬN	RP3	85-86	2	15	18	65	CODIEN	Vietnamese
16	ĐẶNG TIẾN TOÀN	RP3	90	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN THẾ DU	RP3	83	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC BẢO BÌNH	RP3	80	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	PHẠM HỒNG LINH	RP3	91	1	5		72	PVGAS	Vietnamese
20	TRẦN VƯƠNG HUNG	RP3					80	PVGAS	Vietnamese
21	DUY PHAT	RP3	89	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN DINH TRONG	RP3	79	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

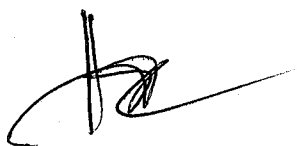
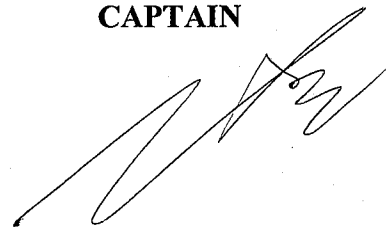
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	9	9	61	628	120	6		
2	RP3	13	13	90	890	18	14		
TOTAL		22	22	151	1.518	138	20		
WEIGHT KG				151	1.518	138			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 9	TO: RP2 - RC6	CREW: Khang - XHOÀN - Toan	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2				6	67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	RP2	26	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN THANH TUẤN	RP2	17	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM QUANG LỢI	RP2	98	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT NHƯỞNG	RP2	24	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ DUY QUYÊN	RP2	28	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	27	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ CHÍ CƯỜNG	RP2	21-22	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM BA HOÀNG	RP2	32	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ ĐỨC LONG	RP2	20	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGUYỄN BAO MINH	RP2	30-31	2	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN QUỐC KHÁNH	RP2					75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HAI SANG	RP2	99	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HOÀNG	RP2	18-19	2	16		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	25	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ CÔNG MINH	RP2	29	1	4		69	GETRACO	Vietnamese
17	BUI VĂN QUÂN	RP2	97	1	2		67	GETRACO	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP2	33	1	8		69	YTE	Vietnamese
19	LA XUÂN THẮNG	RP2	100,16	2	40		58	PVE	Vietnamese
20	TRẦN DỤC KHÁNH	RP2	23	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG VĂN TÙNG	RC6	69	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
22	KIEU MINH QUYẾT	RC6	70	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	20	22	135	1.370	6	17		
2	RC6	2	2	11	137	0	5		
TOTAL		22	24	146	1.507	6	22		
WEIGHT KG				146	1.507	6			

GRAND TOAL: 1.659 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/12/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P1+BK6+TD1	7:25	2+0+20	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
2		TTC2+PPD	7:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
3		C10+TD5+TD1	7:25	19+0+2	0+0+0		15+0+7	0+0+0	CHUYỂN 1 TD5 TD1
4		VSP02+RP2+RP1	7:25	21+1+0	0+0+0		18+1+0	0+0+0	CHUYỂN 3 RP2 RP1
5		TGTH4+CNV+CTK3	9:25	4+7+11	0+0+0		0+6+16	0+0+0	CHUYỂN 2 CNV-CTK3
6		TD3+VSP02+TD2	9:25	4+18+0	0+0+0		0+17+4	0+0+0	
7		PPD+BK8+BK14	9:25	9+6+7	0+0+0		8+0+11	0+0+0	CHUYỂN 1 PPD-BK8
8		BK9+HSD+AMD	9:25	10+1+11	0+0+0		6+0+16	0+0+0	
9		BK8+CTK3+P1	11:25	5+17+0	0+0+0		0+12+2	0+0+0	
10		TGTH1+AMD+HST	13:25	6+7+6	0+0+0		6+6+5	0+0+0	CHUYỂN 1 AMD-HST

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
P1 ĐI VỀ TRONG NGÀY : 2 NG.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P1 - BK6 - TD1	CREW: Hôi - MTHAO - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BONDARENKO	P1	99	1	5	10	98	KH-THAC	Russian
2	POPOV	P1	88	1	4		67	KH-THAC	Russian
3	HOANG TUAN ANH*TT	TD1	75-76	2	13	40	74	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN BAO	TD1	66	1	7		81	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM DOI	TD1	71	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH VĂN ĐIỀN	TD1	61	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	65	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN THANH	TD1	68	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
9	VU VAN KIEN	TD1	69-70	2	12		74	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VIET CHUONG	TD1	73	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TUAN DAT	TD1	72	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
12	ĐO MINH DUNG	TD1	59-60	2	8		65	KHOAN	Vietnamese
13	ĐOAN VAN KHANH	TD1	63-64	2	10		78	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN NAM	TD1					77	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VĂN TRƯƠNG-PVDT	TD1	62	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
16	HÀ MINH TUÂN	TD1	74	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HUY QUANG	TD1	67	1	15		76	DMC	Vietnamese
18	HEMANT KUMAR	TD1	85-86	2	18		78	SCHLUMB	Indian
19	TONG VAN THE	TD1	80	1	12		80	SCHLUMB	Vietnamese
20	ANEESH SALELKAR	TD1	83-84	2	18		73	SCHLUMB	Indian
21	NAVNEET KUMAR	TD1	81-82	2	19		81	SCHLUMB	Indian
22	PHAN THANH TAI	TD1	77	1	8		55	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	2	2	9	165	10	0		
2	BK6	0	0	0	0	45	1		
3	TD1	20	26	174	1.437	40	21		
TOTAL		22	28	183	1.602	95	22		
WEIGHT KG				183	1.602	95			

GRAND TOAL: 1.880 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 02	TO: TTC2 - PPD	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC ĐẠI	TTC2	92-93	2	16		80	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN QUANG VŨ	TTC2	90	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ THAI THÀNH	TTC2	91	1	12		81	KH-THAC	Vietnamese
4	NG. KHẮC THANH CHUNG	TTC2	89	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN YẾN	PPD	10	1	3		55	KHI	Vietnamese
6	PHẠM LINH TUNG	PPD	07	1	5		65	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TUNG	PPD	18	1	8		66	YTE	Vietnamese
8	LÊ ĐÌNH THAO	PPD	08	1	7	73	66	PVGAS	Vietnamese
9	ĐỖ QUANG HÙNG	PPD	09	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN DANG QUANG	PPD	23-24	2	12	70	57	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀI VŨ	PPD	11	1	5		62	D-HANH	Vietnamese
12	BUI VĂN VIỆN	PPD	19	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN NINH	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PPD	12	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN CAO CƯỜNG	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VĂN ĐÀO	PPD	21	1	3		92	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO MẠNH HUY	PPD	22	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
18	BIỆN MINH SƠN	PPD	20	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN VIỆT	PPD	15	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ ĐỨC QUÂN	PPD	14	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	13	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT TIẾN	PPD	16-17	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	4	5	49	294	0	0		
2	PPD	18	18	86	1.236	143	22		
TOTAL		22	23	135	1.530	143	22		
WEIGHT KG				135	1.530	143			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: CLO - TD5 - TD1	CREW: Khang - CHIẾN - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SADOVNICHENKO	CLO	67	1	11		100	KHOAN	Russian
2	TÔ ANH TUÂN	CLO	77	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
3	LUÔNG NGỌC KHUÔNG	CLO	69	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM ĐÌNH THỤ	CLO	61	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THANH	CLO	71	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM MINH HOANG	CLO	64	1	5		93	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN THANH TAM	CLO	70	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	BUI TRƯỜNG SINH	CLO	75	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG TRUNG THÔNG	CLO	76	1	5	20	70	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN ĐĂNG KHOA	CLO	68	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	CLO	78	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	MAI NGỌC QUYỀN-CAM-PVDT	CLO	72	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN DUY TÂN*TD-PVDT	CLO	83	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ANH*MC-PVD	CLO	65-66	2	10		80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN BA HUNG	CLO	62-63	2	17		80	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN HUNG DUNG	CLO	81	1	7		68	DVL	Vietnamese
17	ĐẶNG TRỌNG THỨC	CLO	82	1	5		67	DVL	Vietnamese
18	LƯU BA XÔ	CLO	80	1	10		67	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY QUANG	CLO	73-74	2	17		90	YTE	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HIẾN	TD1	43-44	2	10	20	74	DVL	Vietnamese
21	VÔ HỮU TÂN	TD1	42	1	8		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

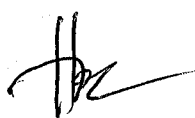
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	19	22	139	1.410	20	15		CHUYEN 01 PAX TU TD5 SANG TD1
2	TD5	0	0	0	0	20	0 + 1		
3	TD1	2	3	18	149	20	7		
TOTAL		21	25	157	1.559	60	22		
WEIGHT KG				157	1.559	60			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	TO: VSP02 - RP2 - RP1	CREW: Hạnh - XHOÀN - Toan	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POKLONSKY	VSP02	30	1	4		85	KH-THAC	Russian
2	PHẠM TRUNG SONG	VSP02					85	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG NGỌC CUƠNG	VSP02					67	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN KINH	VSP02	25-26	2	13		60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	28-29	2	17		59	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	27	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ THÁI SƠN	VSP02	45	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	46	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ CÔNG HOÀN	VSP02	200	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02				10	56	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH THẢO	VSP02					75	KH-THAC	Vietnamese
12	DUƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	22-24	3	8		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	65	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
14	VÔ TÂN LINH	VSP02	799	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
15	CAO VĂN KHA KHA	VSP02	42	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ĐÌNH KHOA	VSP02	44	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ QUỐC TRÌNH	VSP02	43	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH HÀ	VSP02	33	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI XUÂN TIẾN	VSP02	99	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	40	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN HỮU KHANH	VSP02	41	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN HOÀNG	RP2	38	1	3	20	65	PVE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	21	21	111	1.452	10	18		CHUYEN 03 PAX FROM RP2 SANG RP1
2	RP2	1	1	3	65	20	4	3	
3	RP1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	22	114	1.517	30	19		
WEIGHT KG				114	1.517	30			

GRAND TOAL: 1.661 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	TO: TGTH4 - CNV - CTK3	CREW: Hôi - MTHAO - Năm	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG LÊ ANH DỪNG	TGTH4	39-40	2	15		90	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN VĂN DỪNG	TGTH4	43	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN KHÁC TOÀN	TGTH4	38	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG LONG	TGTH4	41-42	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ QUỐC TUNG	CNV	23	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	93	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TIỀN DỪNG	CNV	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO TRỌNG HIỆP	CNV	94-95	2	10	80	72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	22	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
10	HÀ MẠNH HOANG	CNV	20-21	2	17		80	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH TIỆN	CNV	92	1	5		75	PSV	Vietnamese
12	TRẦN KÝ TUÂN	CTK3	44	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG ANH TỬ	CTK3	10	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG XUÂN HIẾU	CTK3	06	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	CTK3	05	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG HẢI	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
17	HÀ MINH GIANG	CTK3	46	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	04	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN QUANG TUÂN	CTK3	03	1	5	20	60	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	42	1	5	17	80	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI KHÁC PHONG	CTK3	45	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG TUÂN	CTK3	47	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	4	6	37	309	0	0		CHUYỂN 2 PAX CNV SANG CTK3
2	CNV	7	9	51	515	80	6	2	
3	CTK3	11	10	49	747	37	16		
TOTAL		22	25	137	1.571	117	22		
WEIGHT KG				137	1.571	117			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	TO: TD3 - VSP02 - TD2	CREW: Khang - CHIẾN - Luy	ETA: 11:15
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI HOANG HA	TD3	20-21	2	20		50	BAKER HU	Vietnamese
2	LE CONG TRANG	TD3	22-23	2	20		62	BAKER HU	Vietnamese
3	CHOTIPUN ANGOON	TD3	24-25	2	18		68	NHATHAU	Thailand
4	NGUYEN XUAN TRUONG	TD3	26-28	3	16		60	NHATHAU	Vietnamese
5	HA MANH THANG	VSP02	59	1	3	10	53	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO DUC CHU	VSP02	56-57	2	12		56	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DINH DUONG	VSP02	49	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN GIAP	VSP02	62	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
9	LU SON	VSP02	60	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
10	TA VAN CUONG	VSP02	63	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN QUYET	VSP02					53	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI HUY BINH	VSP02					84	KH-THAC	Vietnamese
13	VU HAI DANG	VSP02	61	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
14	LE XUAN BINH	VSP02	58	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG MINH NGOC	VSP02	67	1	10		64	CODIEN	Vietnamese
16	VU NGOC CANH	VSP02	50	1	12		75	CODIEN	Vietnamese
17	DOAN VIET DONG	VSP02	52-54	3	18		70	CODIEN	Vietnamese
18	NGO HOANG ANH	VSP02	64	1	10		55	CODIEN	Vietnamese
19	CAO KINH THAO	VSP02	47-48	2	18		70	T-TIN	Vietnamese
20	TRUONG QUANG TUU	VSP02	51	1	6		69	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN SON	VSP02	55	1	6		69	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	4	9	74	240	0	0		
2	VSP02	17	19	131	1.142	10	17		
3	TD2	0	0	0	0	40	4		
TOTAL		21	28	205	1.382	50	21		
WEIGHT KG				205	1.382	50			

GRAND TOAL: 1.637 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	TO: PPD - BK8 - BK14	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 11:30
TRANG-2	(P2)		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	36	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN THANH TRI	PPD	41	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN DẦU	PPD	37	1	6		65	KHI	Vietnamese
4	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	PPD	38	1	5		99	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC SƠN	PPD	42-43	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	39-40	2	6		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN MẠNH HOA	PPD	45	1	5	40	62	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG LONG	PPD	44	1	5	13	85	KHI	Vietnamese
9	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	35	1	5		90	KHI	Vietnamese
10	LÊ THANH HIẾU	BK8	47-49	3	18		70	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN HỒNG YẾN	BK8	40	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
12	VO VĂN SƠN	BK8	43-44	2	15		50	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN HẢI HÙNG	BK8	45	1	8		57	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC HÀ	BK8	46	1	10	15	63	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ HỒNG CƯỜNG	BK8	41	1	10	15	70	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI THẾ DIỄN	BK14	97	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN LAM	BK14	96	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ THANH LIÊM	BK14	94	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀO KIM CƯỜNG	BK14	95	1	2	55	57	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ ĐÌNH HUY	BK14	99	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN TUYẾN	BK14					65	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN TIẾN CƯỜNG	BK14	98	1	3		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD(P2)	9	11	56	680	53	8+1		CHUYỂN 1 PAX PPD SANG BK8 PPD hạ cánh P2
2	BK8	6	9	76	380	30	0		
3	BK14	7	6	35	451	55	11		
TOTAL		22	26	167	1.511	138	19		
WEIGHT KG				167	1.511	138			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	TO: BK9 - HSD - AMD	CREW: Hạnh - XHOÀN - Toan	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGOC CHINH	BK9	91	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	BK9	97	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG QUANG HUY	BK9	89	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN BÌNH	BK9	88	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	BK9	87	1	7	25	74	DVL	Vietnamese
6	PHẠM HẢI LONG	BK9	94	1	10	12	80	DVL	Vietnamese
7	PHẠM VĂN CƯỜNG	BK9	99,1000	2	18		89	DVL	Vietnamese
8	PHẠM VĂN ĐẠM	BK9	98	1	8		65	DVL	Vietnamese
9	ĐOÀN MINH HƯƠNG	BK9	92-93	2	10		61	DVL	Vietnamese
10	TRẦN VĂN NĂNG	BK9	90	1	6		65	PSV	Vietnamese
11	HA VĂN THUY	HSD	07,70	2	11		73	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI NG. HAI VI	AMD	43	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
13	PHI MANH HAI	AMD	53	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ THANH TÂN	AMD	54	1	10	78	60	KH-THAC	Vietnamese
15	DANG VAN LOI	AMD	47	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM TUÂN THANH	AMD	52	1	5		73	PSV	Vietnamese
17	NGO SỸ KHÔI	AMD	50	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN BẠC HÀ	AMD	49	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ TRI TRUNG	AMD	48	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG TRUNG KIÊN	AMD	46	1	7	30	67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	51	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN QUANG LONG	AMD	57	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	10	12	83	723	37	6		
2	HSD	1	2	11	73	0	0		
3	AMD	11	11	74	794	108	16		
TOTAL		22	25	168	1.590	145	22		
WEIGHT KG				168	1.590	145			

GRAND TOAL: 1.903 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	TO: BK8 - CTK3 - P1	CREW: Hôi - MTHAO - Huy	ETA: 13:10
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THÀNH NAM	BK8	51-52	2	17	50	73	XAYLAP	Vietnamese
2	LẠI VĂN MẠNH	BK8	56-57	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN ĐÔNG SƠN	BK8	53-54	2	10		75	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC CHÍNH	BK8	55	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
5	HÀ VĂN NIÊM	BK8	58	1	4		75	PSV	Vietnamese
6	TRƯỜNG QUỐC BAO	CTK3	16	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH QUANG	CTK3	23	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM QUANG THAI	CTK3	24	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TUẤN	CTK3	19	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH TUẤN	CTK3	25	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HAO	CTK3	17	1	6	40	67	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO VIỆT HÙNG	CTK3	26	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LUYỄN VĂN THIỆU	CTK3	28-29	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI SỸ LONG	CTK3	20-21	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HỮU BAO	CTK3	11	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM QUỐC CUÔNG	CTK3	22	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN KHẮC THĂNG	CTK3	18	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐÀN QUÊ	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CTK3	27	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN KHẮC QUỐC	CTK3	14-15	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU VIỆT	CTK3	12	1	7		72	ANTOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN BẢO	CTK3	13	1	10		60	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	5	8	58	373	50	0		
2	CTK3	17	19	120	1,193	40	12		
3	P1	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	27	178	1,566	90	14		
WEIGHT KG				178	1,566	90			

GRAND TOTAL: 1.834 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 13:00
FLIGHT: 10	TO: TGTH1 - AMD - HST	CREW: NKhánh - Dũng	ETA: 14:55
XANH-4			

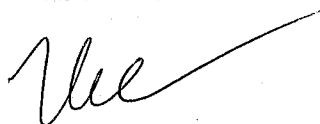
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LA NGOC HOAN	TGTH1	71	1	10		68	HLJOC	Vietnamese
2	THAI THANH THAO	TGTH1	69	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VAN GIANG	TGTH1	68	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VIET THANG	TGTH1	70	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VI TRAN TAN THUAN	TGTH1	73-74	2	14		68	KH-THAC	Vietnamese
6	KIEU VAN TUAN	TGTH1	72	1	4		75	PSV	Vietnamese
7	HO THE BINH	AMD	68-69	2	13	49	60	KH-THAC	Vietnamese
8	DINH HUU TUAN	AMD	67	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ANH DUC	AMD	61-62	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HONG SON	AMD	71	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUC BINH	AMD	70	1	5	25	68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN LUONG	AMD	63-64	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO VAN BAC	AMD	65-66	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese
14	DO THE THANH	HST	99,300	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM TUAN CHUNG	HST	63	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LE MINH THUAN	HST	36,46	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
17	CHU DUC CHI	HST	95,47	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN KHAC CUONG	HST	64-65,1000	3	17		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HOAI NAM	HST	66	1	8	20	68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

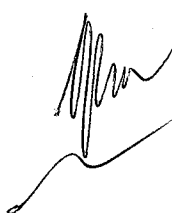
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH1	6	7	50	424	0	6		CHUYEN 1 PAX AMD SANG HST
2	AMD	7	11	80	462	74	6 +1		
3	HST	6	11	75	411	20	5		
TOTAL		19	29	205	1.297	94	17		
WEIGHT KG				205	1.297	94			

GRAND TOAL: 1.596 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/12/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+TD2+IS2	7:25	9+11+2	0+0+0		0+11+11	0+0+0	
2		P3+P4+TD2 ↖ ↗	9:25	9+1+12	0+0+0		1+4+13	0+0+0	chuyen 1 P3- P4

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD1 - TD2 - JS2	CREW: QViệt - Hôi - DTùng	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN MẠNH	TD1	95-96	2	15		72	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN CAO TUẤN	TD1	93	1	10		67	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN ĐƯƠNG	TD1	91	1	10		61	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	TD1	97	1	11		55	CODIEN	Vietnamese
5	PHẠM XUÂN HẢI	TD1	94	1	12		69	CODIEN	Vietnamese
6	NÔNG MINH HẢI	TD1	92	1	11	47	71	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	TD1	99,900	2	14		66	CODIEN	Vietnamese
8	ĐINH XUÂN TOÀN	TD1	87-88	2	12		60	T-TIN	Vietnamese
9	NGUYỄN SY HƯA	TD1	89	1	7		63	T-TIN	Vietnamese
10	LÊ HẢI SƠN	TD2	68	1	5		77	KHOAN	Russian
11	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	58	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN MINH	TD2	60	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	64	1	8		69	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	65	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM THẾ CHUYỀN	TD2	61	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	62	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
17	HỒ VĂN HÙNG	TD2	66-67	2	7		69	KHOAN	Vietnamese
18	HỒ CHI CÔNG	TD2	59	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
19	MUSTAFA	TD2	69	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	63	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN DUC LAM	JS2	09	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
22	PHAN CONG TRUONG	JS2	10	1	6		67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	9	12	102	584	47	0		
2	TD2	11	12	56	747	0	11		
3	JS2	2	2	18	132	0	11		
TOTAL		22	26	176	1.463	47	22		
WEIGHT KG				176	1.463	47			

GRAND TOAL: 1.686 KGS

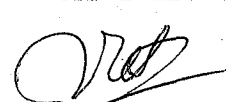
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	TO: P3 - P4 - TD2	CREW: QViệt - Hồi - DTùng	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN AI	P3	17-18	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN HOA	P3	33-34	2	10		60	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ ANH NGỌC	P3	37-38	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LOI	P3	35-36	2	17	47	63	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	P3	19	1	8		55	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN BẢNG	P3	39	1	8		68	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN CHIẾN	P3	40	1	17		72	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG QUANG HUNG	P3	57-58	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẠO MINH TIẾN	P3	20,69	2	19		67	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN CƯỜNG	P4	61	1	5		72	PVE-PMC	Vietnamese
11	VŨ TRỌNG HẠCH	TD2	83	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
12	NG ANH HUNG*PK-PVD	TD2	72	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM THẾ LONG*CAM-PVDT	TD2	70-71	2	10		73	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG MINH SƠN	TD2	78	1	11		74	ANTOAN	Vietnamese
15	CHU ĐÌNH THANH	TD2	74	1	7		50	DVL	Vietnamese
16	DƯƠNG MINH VIỆT	TD2	75-76	2	14		63	DVL	Vietnamese
17	VŨ MẠNH NAM	TD2	81	1	10		73	DVL	Vietnamese
18	LƯƠNG MẠNH HAI	TD2	80	1	15		72	DVL	Vietnamese
19	TRẦN CÔNG CHIẾN	TD2	79	1	13		75	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC NINH	TD2	82	1	12		71	DVL	Vietnamese
21	ĐOÀN ĐẶC THỪA	TD2	73	1	9		66	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYỄN DUY KHANG	TD2	77	1	5		86	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	9	15	132	570	47	1 + 1		CHUYỂN 1 PAX P3 SANG P4
2	P4	1	1	5	72	0	4		
3	TD2	12	14	121	846	0	13		
TOTAL		22	30	258	1.488	47	18		
WEIGHT KG				258	1.488	47			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/12/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+TD3	7.25	18+4	0+0		18+4	0+0	
2		RC3+TD3	9.25	3+18	0+0		0+22	0+0	

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 02	TO: RC3 - TD3	CREW: TTrung - Hạnh - QTrưởng	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH CHI CUONG	RC3	80-81	2	9		60	NPX	Vietnamese
2	NGO VAN QUANG	RC3	82	1	7		67	NPX	Vietnamese
3	NGUYEN CONG HOAN	TD3	47	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM THANH DUNG	TD3					67	KHOAN	Vietnamese
5	ĐAO LÊ XUÂN SƠN	TD3	41	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN TRỌNG BẢNG	TD3	37	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	34	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG NAM	TD3	42	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG THANH TU	TD3					80	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG HỮU TÀI-MC-PVD	TD3	43	1	9		66	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN QUÂN-PVDT	TD3	46	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM TIỀN VINH	TD3	33	1	13		80	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN HUY NINH*MC-PVD	TD3	38-39	2	10		55	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẶNG VIỆT CUONG	TD3	36	1	8		68	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYEN TRAN ĐỨC MINH	TD3	44-45	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
16	PHI HỒNG MẠNH	TD3	51-52	2	12		70	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN DAN	TD3	48	1	15	35	80	CODIEN	Vietnamese
18	LÊ VĂN TIỀN	TD3	49	1	16		65	CODIEN	Vietnamese
19	TRẦN THAI AN	TD3	35	1	3		70	DVL	Vietnamese
20	LÊ XUÂN QUY	TD3	40	1	3		73	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	2	3	16	127	0	0		
2	TD3	18	19	142	1.287	35	22		
TOTAL		20	22	158	1.414	35	22		
WEIGHT KG				158	1.414	35			

GRAND TOAL: 1.607 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD5 - TD3	CREW: TTrung - Hạnh - QTrưởng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẠO QUANG MINH	TD5	18	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	ALEKHIN A.G	TD5	04	1	10		100	KHOAN	Russian
3	HA THANH TUNG	TD5	21	1	7		87	KHOAN	Vietnamese
4	VÔ NGUYỄN KHANG	TD5	17	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	09	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
6	TÔ THANH HÙNG	TD5	16	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN MINH CÔNG	TD5	19-20	2	15		68	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN CAO KHÁNH	TD5	05	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN HỒN	TD5	14	1	9		82	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH ĐỨC KIẾN	TD5	13	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
11	ĐOÀN CAO DANH	TD5	15	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN NGUYỄN-PVDT	TD5	07	1	5	50	70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THIÊN TUÂN	TD5	03	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN CAO HOÀNG	TD5	10-11	2	6		77	KHOAN	Vietnamese
15	HOÀNG NGỌC DANH	TD5	02	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HÙNG QUAN	TD5	12	1	9		72	D-HANH	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG ANH	TD5	06	1	5		70	ANTOAN	Vietnamese
18	PHAN NGỌC TIẾN	TD5	08	1	8		60	DVL	Vietnamese
19	SOROKA ANATOLY	TD3	30	1	11		115	KHOAN	Russian
20	VƯƠNG HỮU QUỐC THAI	TD3				40	84	KHOAN	Vietnamese
21	NGÔ DUY THANH	TD3	29	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
22	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3					72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	18	20	131	1.286	50	18		
2	TD3	4	2	16	338	40	4		
TOTAL		22	22	147	1.624	90	22		
WEIGHT KG				147	1.624	90			

GRAND TOAL: 1.861 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN